

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

2. Bà Mai Thị Bỉ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số x đường S, phường x, thành phố T, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 30/12/2020 có ý kiến như sau:

Do quen biết, bà và ông Nguyễn Văn H1 sống chung năm 1996, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/12/20xx.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà trọ ở thành phố T, tỉnh L. Vợ chồng sống chung do không hợp tính tình nên thường xuyên bất đồng quan điểm và cãi nhau. Nguyên nhân do ông H1 không lo làm ăn. Ông H1 về sống chung gia đình mẹ ruột tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L từ năm 2019 và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Anh P, sinh ngày 03/02/19xx (đã trưởng thành) và Nguyễn Anh T sinh ngày 21/3/20xx. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi Nguyễn Anh T, sinh ngày 21/3/20xx, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có đơn xin vắng tất cả các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và phiên tòa. Do ông H1 vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1. Do ông H1 đang cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh L nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn H1 có đơn yêu cầu vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn H1 xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường x, thành phố T, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số xx ngày 06/12/20xx, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông H1 không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình

giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa cho ông H1 nhưng ông H1 không có ý kiến gì và có đơn xin vắng mặt. Điều này chứng minh ông H1 không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận.

[4] Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Anh P, sinh ngày 03/02/19xx và Nguyễn Anh T, sinh ngày 21/3/20xx.

[4.1] Đối với con chung Nguyễn Anh P, sinh ngày 03/02/19xx đã trưởng thành. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2] Đối với con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày 21/3/20xx. Bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì con chung sống với bà H. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao Anh T cho bà H nuôi dưỡng. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Văn H1.

- Nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 21/3/20xx cho bà Nguyễn Thị Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004224 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà H đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Long An.

-VKSND huyện Tân Trụ.

-THA DS huyện Tân Trụ.

-Các đương sự.

- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa